

DỰ THẢO LẦN I (chỉnh sửa lần 5)

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ MANG THEO PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ VÀO VIỆT NAM DU LỊCH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về tổ chức và quản lý hoạt động của khách du lịch quốc tế mang theo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi chung là phương tiện đường bộ) vào Việt Nam du lịch.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước tổ chức cho khách du lịch quốc tế mang theo phương tiện đường bộ vào Việt Nam du lịch.
2. Phương tiện đường bộ của khách du lịch quốc tế mang theo vào Việt Nam du lịch theo quy định của Nghị định này bao gồm xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Phương tiện đường bộ của khách du lịch quốc tế mang theo vào Việt Nam du lịch được hiểu là phương tiện đã cấp biển số của nước ngoài, sử dụng làm phương tiện thực hiện chương trình du lịch tại Việt Nam, không vì mục đích sinh lời, bao gồm xe ô tô (kể cả ô tô có vị trí tay lái ở bên phải xe), xe mô tô và xe gắn máy hai bánh, ba bánh.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tổ chức, cá nhân nước ngoài có nhu cầu tổ chức hoạt động du lịch cho khách du lịch quốc tế mang theo phương tiện đường bộ vào Việt Nam phải thông qua hợp đồng với doanh nghiệp Việt Nam có giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế;
2. Tổ chức, cá nhân trong nước tổ chức các chương trình du lịch cho khách du lịch quốc tế mang theo phương tiện đường bộ vào Việt Nam du lịch phải thực hiện các thủ tục quy định tại Nghị định này và có văn bản chấp thuận của Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch;

3. Doanh nghiệp lữ hành quốc tế Việt Nam tổ chức chương trình du lịch cho khách quốc tế mang theo phương tiện đường bộ vào Việt Nam du lịch phải bố trí xe dẫn đường. Trường hợp đoàn có nhiều phương tiện phải bố trí di chuyển theo nhóm và mỗi nhóm không quá 15 xe đối với ô tô và 20 xe đối với mô tô, xe gắn máy;

4. Tổ chức, cá nhân tổ chức chương trình du lịch cho khách du lịch quốc tế mang theo phương tiện đường bộ vào Việt Nam du lịch phải tuân thủ các quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam. Trong trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó;

5. Các phương tiện đường bộ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này chỉ được sử dụng làm phương tiện thực hiện chương trình du lịch đã được chấp thuận, không được sử dụng để tham gia kinh doanh vận tải hành khách.

Chương II

QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Điều 5. Quy định về giấy tờ

1. Đối với người điều khiển phương tiện

a) Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu có giá trị ít nhất sáu tháng kể từ ngày nhập cảnh và phải có thị thực Việt Nam phù hợp với thời gian của chương trình du lịch, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe đang điều khiển;

c) Bảo hiểm thân thể.

2. Đối với người cùng đi trên phương tiện:

a) Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu có giá trị ít nhất sáu tháng kể từ ngày nhập cảnh và phải có thị thực Việt Nam phù hợp với thời gian của chương trình du lịch, trừ trường hợp được miễn thị thực theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

b) Bảo hiểm thân thể.

3. Đối với phương tiện:

a) Giấy đăng ký phương tiện;

b) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật phương tiện và bảo vệ môi trường;

c) Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ phương tiện;

d) Giấy chứng nhận các thiết bị lắp đặt trên phương tiện.

4. Các loại giấy tờ quy định tại điểm b, c khoản 1, điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này phải do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, còn hiệu lực trong thời gian du lịch tại Việt Nam và phải được dịch ra tiếng Việt kèm theo, trừ các loại giấy tờ sử dụng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.

Điều 6. Thời hạn lưu hành phương tiện

1 Thời gian lưu hành phương tiện của khách du lịch quốc tế mang theo vào Việt Nam du lịch tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày tạm nhập phương tiện. Trường hợp khách đề nghị kéo dài thời gian thực hiện chương trình du lịch và lưu hành phương tiện tại Việt

Nam, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét chấp thuận bổ sung, thời gian chấp thuận bổ sung không quá 10 ngày.

2. Khi hết thời hạn lưu hành được chấp thuận, các phương tiện đã tạm nhập phải tái xuất hết khỏi lãnh thổ Việt Nam, kể cả các phương tiện bị hư hỏng không còn sử dụng được. Trường hợp do sự cố ngoài ý muốn mà một hoặc một số phương tiện chưa tái xuất doanh nghiệp lữ hành quốc tế có liên quan phía Việt Nam phải báo cáo bằng văn bản cho Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch), Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) và Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng) biết để có biện pháp xử lý, mọi phí tổn do chủ phương tiện chịu trách nhiệm.

Điều 7. Thủ tục và cửa khẩu tạm nhập, tái xuất

1. Các loại phương tiện đường bộ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này được tạm nhập, tái xuất tại các cửa khẩu quốc tế thuộc lãnh thổ Việt Nam.

2. Người điều khiển phương tiện đường bộ và người đi trên phương tiện đó phải làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh theo quy định hiện hành của pháp luật.

3. Các cơ quan có thẩm quyền chỉ giải quyết thủ tục tạm nhập, tái xuất phương tiện đường bộ của người nước ngoài khi có văn bản chấp thuận tổ chức chương trình du lịch của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch).

Điều 8. Quy định về hồ sơ, trình tự thủ tục và thẩm quyền chấp thuận chương trình du lịch của khách du lịch quốc tế mang theo phương tiện đường bộ vào Việt Nam du lịch

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận tổ chức chương trình du lịch của khách du lịch quốc tế mang theo phương tiện đường bộ vào Việt Nam du lịch làm thành hai bộ, mỗi bộ gồm có:

a) Văn bản đề nghị;

b) Chương trình du lịch Việt Nam chi tiết

c) Danh sách trích ngang đoàn khách (kể cả người điều khiển phương tiện đường bộ) gồm: họ và tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, ngày hết hạn;

d) Danh sách phương tiện đường bộ và tên người điều khiển phương tiện đường bộ, gồm: hiệu xe, màu sơn, biển số, số khung, số máy, số chỗ ngồi (hoặc dung tích xi lanh đối với môtô, xe gắn máy), năm sản xuất, tên người;

e) Bản sao các loại giấy tờ quy định tại Điều 5 Nghị định này.

2. Thủ tục chấp thuận việc tổ chức Chương trình du lịch cho khách du lịch quốc tế mang theo phương tiện đường bộ vào Việt Nam du lịch.

a) Doanh nghiệp lữ hành quốc tế phía Việt Nam gửi hồ sơ quy định tại khoản 1 Điều này đến Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch);

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp lữ hành quốc tế, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch) gửi văn bản đề nghị (kèm theo bản sao hồ sơ đoàn khách) đến Bộ Giao thông vận tải để lấy ý kiến;

c) Trong thời gian 05 ngày làm việc, Bộ Giao thông vận tải xem xét, kiểm tra hồ sơ kỹ thuật các phương tiện đường bộ của khách du lịch quốc tế theo đề nghị của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch) và có văn bản trả lời về việc cho lưu hành các phương tiện này trên lãnh thổ Việt Nam trong thời gian du lịch đã đăng ký. Trường hợp

không đồng ý, Bộ Giao thông vận tải có văn bản trả lời Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch) nói rõ lý do;

d) Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Bộ Giao thông vận tải, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch) xem xét, chấp thuận bằng văn bản việc tổ chức chương trình du lịch cho khách du lịch quốc tế mang theo phương tiện đường bộ vào Việt Nam du lịch và gửi cho doanh nghiệp. Văn bản chấp thuận phải thể hiện đầy đủ 5 nội dung, gồm: (1) Tên doanh nghiệp Việt Nam tổ chức đón đoàn khách, (2) Chương trình du lịch và thời gian tổ chức chương trình du lịch, (3) Số lượng khách, (4) Số lượng và đặc điểm phương tiện, (5) Cửa khẩu tạm nhập và cửa khẩu tái xuất phương tiện. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch) phải thông báo bằng văn bản, nói rõ lý do.

Điều 9. Trách nhiệm của doanh nghiệp lữ hành quốc tế Việt Nam

Doanh nghiệp lữ hành quốc tế Việt Nam tổ chức cho khách du lịch quốc tế mang theo phương tiện đường bộ vào Việt Nam du lịch phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Thông báo cho đối tác nước ngoài biết và thực hiện đầy đủ các quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.
2. Tổ chức tạm nhập, tái xuất phương tiện phải đúng thời gian, đúng cửa khẩu, đúng chủng loại, đúng số lượng phương tiện khi đã được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch) chấp thuận và tổ chức thực hiện chương trình du lịch cho đoàn khách theo đúng quy định của Nghị định này.
3. Thực hiện đầy đủ các quy trình, thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, tạm nhập, tái xuất tại cửa khẩu theo quy định hiện hành đối với người và phương tiện có liên quan.
4. Quản lý khách và phương tiện đường bộ của khách theo chương trình du lịch, có phương án đảm bảo an toàn giao thông cho đoàn khách từ khi nhập cảnh đến khi xuất cảnh khỏi Việt Nam.
5. Báo cáo kết quả sau mỗi lần kết thúc tổ chức Chương trình du lịch gửi về Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Điều 10 Trách nhiệm của chủ phương tiện và người điều khiển phương tiện

1. Cung cấp đầy đủ các loại giấy tờ quy định tại Điều 5 Nghị định này cho đối tác phía Việt Nam là doanh nghiệp lữ hành quốc tế.
2. Thực hiện đúng quy định của Luật Giao thông đường bộ Việt Nam và các quy định của pháp luật Việt Nam về các lĩnh vực có liên quan.
3. Điều khiển phương tiện đúng loại, hạng ghi trong Giấy phép lái xe.
4. Di chuyển trong nội địa Việt Nam theo đúng lộ trình và chương trình du lịch đã được Tổng cục Du lịch, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chấp thuận.
5. Chịu trách nhiệm về tình trạng an toàn kỹ thuật phương tiện và bảo vệ môi trường trong suốt thời gian phương tiện lưu hành tại Việt Nam.
6. Chỉ được sử dụng các thiết bị lắp đặt trên phương tiện đường bộ vào mục đích du lịch.
7. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng việc đưa phương tiện đường bộ có gắn thiết bị thu, phát vào Việt Nam du lịch gây rối loạn cho các hoạt động liên quan đến tần số và thu phát của Việt Nam, làm phương hại đến an ninh trật tự, an toàn xã hội của Việt Nam.

Điều 11 Xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, tùy theo mức độ, bị xử lý theo các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành.
2. Trong quá trình lưu hành phương tiện đường bộ, nếu để xảy ra tai nạn hoặc vi phạm pháp luật Việt Nam thì người điều khiển phương tiện và người có liên quan chấp hành việc giải quyết, xử lý theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương III

TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 12. Trách nhiệm của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch)

1. Phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hướng dẫn doanh nghiệp lữ hành quốc tế Việt Nam tổ chức chương trình du lịch cho khách du lịch quốc tế mang theo phương tiện đường bộ vào Việt Nam du lịch và quản lý, theo dõi, kiểm tra việc tham gia giao thông tại Việt Nam của các phương tiện đó khi được chấp thuận;
2. Tổ chức việc chấp thuận chương trình du lịch cho khách du lịch quốc tế mang theo phương tiện đường bộ vào Việt Nam du lịch.

Điều 13. Trách nhiệm của Bộ Giao thông Vận tải

1. Kiểm tra hồ sơ kĩ thuật của các phương tiện đường bộ của khách du lịch quốc tế mang theo vào Việt Nam du lịch do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch) đề nghị và trả lời Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch) bằng văn bản về việc lưu hành các phương tiện đó trên lãnh thổ Việt Nam trong thời gian du lịch.
2. Phối hợp với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch), Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) tổ chức, quản lý việc tham gia giao thông của khách du lịch quốc tế mang theo phương tiện đường bộ vào Việt Nam du lịch.

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) trong việc giải quyết các thủ tục tạm nhập, tái xuất phương tiện đường bộ của khách du lịch quốc tế mang theo vào Việt Nam du lịch;
2. Xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật khác của Việt Nam có liên quan.

Điều 15. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

1. Chủ trì tổ chức kiểm tra, kiểm soát, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) trong việc giải quyết các thủ tục tạm nhập, tái xuất phương tiện đường bộ của khách du lịch quốc tế mang theo vào Việt Nam du lịch.

2. Xử lý các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật khác của Việt Nam có liên quan.

Điều 16. Trách nhiệm của Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan)

1. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng trong việc giải quyết tạm nhập, tái xuất phương tiện đường bộ của khách du lịch quốc tế mang theo vào Việt Nam du lịch trên cơ sở văn bản chấp thuận của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch).

2. Hướng dẫn chủ phương tiện đường bộ, doanh nghiệp lữ hành quốc tế phía Việt Nam có liên quan và cơ quan Hải quan cửa khẩu xử lý các phương tiện đường bộ tái xuất chậm.

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Phối hợp với Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Tổng cục Du lịch) và các Bộ, ngành Trung ương quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của khách du lịch quốc tế mang theo phương tiện đường bộ vào du lịch trên địa phương mình theo đúng quy định tại Nghị định này.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 18. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2010

Điều 19: Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VPBCĐ TW về phòng, chống tham nhũng; HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;

TM. CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng

- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể:
- VPCP: BTCN, các PCN. Website Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (5b)